

Tờ khai khấu trừ cơ bản dành cho người có thu nhập từ tiền lương kiêm Tờ khai khấu trừ cho vợ/chồng dành cho người có thu nhập chịu thuế từ tiền lương, kiêm Tờ khai khấu trừ điều chỉnh mức thu nhập Năm 2022

基・配・所

Trường Cơ quan quản lý thuế	Họ tên người chi trả tiền lương (họ tên)	(Cách đọc bằng tiếng Nhật)
	Mã số pháp nhân của người chi trả tiền lương	Họ tên của bạn
Trường Cơ quan thuế	Địa điểm (địa chỉ) của người chi trả lương	Địa chỉ hoặc nơi cư trú của bạn

~ Lưu ý khi điền ~

- ⑥ Điền "Tờ khai khấu trừ cơ bản" và "Tờ khai khấu trừ cho vợ/chồng" theo các trường hợp sau đây.
 - Nếu tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của bạn từ 10.000.000 yên trở xuống và tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính của vợ/chồng bạn trong năm nay từ 1.330.000 yên trở xuống, hãy điền "Tờ khai khấu trừ cơ bản" trước rồi đến "Tờ khai khấu trừ cho vợ/chồng".
 - Nếu bạn không thuộc trường hợp 1. nêu trên và có tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay từ 25.000.000 yên trở xuống thì chỉ điền "Tờ khai khấu trừ cơ bản" (không cần điền "Tờ khai khấu trừ cho vợ/chồng").
- Nếu bạn muốn được áp dụng khấu trừ điều chỉnh tiền thu nhập chịu thuế vào cuối năm, hãy điền "Tờ khai khấu trừ điều chỉnh mức thu nhập". Ngoài ra, nếu số tiền thu nhập theo đối tượng điều chỉnh cuối năm trong năm nay của bạn từ 8.500.000 yên trở xuống hoặc nếu không áp dụng được bất kỳ mục nào trong cột "Điều kiện" của "Tờ khai khấu trừ điều chỉnh mức thu nhập", bạn sẽ không đủ điều kiện để được áp dụng khấu trừ điều chỉnh tiền thu nhập chịu thuế.

◆ Tờ khai khấu trừ cơ bản dành cho người có thu nhập từ tiền lương ◆

○ Tính tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của bạn

Loại thu nhập chịu thuế	Số tiền thu nhập	Số tiền thu nhập chịu thuế
(1) Thu nhập chịu thuế từ tiền lương	yên	(Tham khảo mục "4 (1)" ở mặt sau) yên
(2) Tổng tiền thu nhập ngoài thu nhập chịu thuế từ tiền lương	yên	(Tham khảo mục "4 (2)" ở mặt sau) yên
Tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của bạn (Tổng số tiền của (1) và (2))		yên

○ Tính toán số tiền khấu trừ

Đánh giá	<input type="checkbox"/> Từ 9.000.000 yên trở xuống (A)	480.000 yên	Phân loại I
	<input type="checkbox"/> Hơn 9.000.000 yên Từ 9.500.000 yên trở xuống (B)		
	<input type="checkbox"/> Hơn 9.500.000 yên Từ 10.000.000 yên trở xuống (C)		
	<input type="checkbox"/> Hơn 10.000.000 yên Từ 24.000.000 yên trở xuống		
	<input type="checkbox"/> Hơn 24.000.000 yên Từ 24.500.000 yên trở xuống		
	<input type="checkbox"/> Hơn 24.500.000 yên Từ 25.000.000 yên trở xuống	320.000 yên	Số tiền khấu trừ cơ bản
		160.000 yên	

* Tham khảo bảng "Tính toán số tiền khấu trừ" ở bên trái để biết cách điền.

◆ Tờ khai khấu trừ cho vợ/chồng dành cho người có thu nhập chịu thuế từ tiền lương ◆

- Về cột "Phân loại I" trong bảng "Tính toán số tiền khấu trừ", tham khảo cột "Phân loại I" của "Tờ khai khấu trừ cơ bản".
- Nếu cột "Phân loại I" của "Tờ khai khấu trừ cơ bản" không tương ứng với mục (A)-(C) và cột "Phân loại II" của "Tờ khai khấu trừ cho vợ/chồng" không tương ứng với mục ①-④, bạn sẽ không được áp dụng khấu trừ vợ/chồng và khấu trừ đặc biệt cho vợ/chồng.

(Cách đọc bằng tiếng Nhật)	Mã số cá nhân của vợ/chồng	Ngày tháng năm sinh của vợ/chồng	
Họ tên vợ/chồng		/	/
	Địa chỉ hoặc nơi cư trú của vợ/chồng trong trường hợp địa chỉ hoặc nơi cư trú của bạn và vợ/chồng khác nhau	Vợ/chồng là người không cư trú	Tình trạng thực tế cùng sinh sống

○ Tính tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của vợ/chồng

Loại thu nhập chịu thuế	Số tiền thu nhập	Số tiền thu nhập chịu thuế
(1) Thu nhập chịu thuế từ tiền lương	yên	(Tham khảo mục "4 (1)" ở mặt sau) yên
(2) Tổng tiền thu nhập ngoài thu nhập chịu thuế từ tiền lương	yên	(Tham khảo mục "4 (2)" ở mặt sau) yên
Tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của vợ/chồng (Tổng số tiền của (1) và (2))		* yên

Đánh giá	<input type="checkbox"/> Từ 480.000 yên trở xuống và từ 70 tuổi trở lên (sinh từ ngày 1/1/1953 trở về trước)	Khấu trừ cho vợ/chồng	①	
	<input type="checkbox"/> << Áp dụng cho vợ/chồng thuộc đối tượng khấu trừ là người cao tuổi >>			
	<input type="checkbox"/> Từ 480.000 yên trở xuống và dưới 70 tuổi			②
	<input type="checkbox"/> Hơn 480.000 yên và từ 950.000 yên trở xuống			③
	<input type="checkbox"/> Hơn 950.000 yên và từ 1.330.000 yên trở xuống	④		

Phân loại II (Điền ①-④ ở trên)

○ Tính toán số tiền khấu trừ

Phân loại I	Phân loại II										
	①	②	③	④ (*Tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của vợ/chồng (Tổng số tiền của (1) và (2))" nêu trên (số tiền có dấu *))							
A	480.000 yên	380.000 yên	380.000 yên	Hơn 950.000 yên và từ 1.000.000 yên trở xuống	Hơn 1.000.000 yên và từ 1.050.000 yên trở xuống	Hơn 1.050.000 yên và từ 1.100.000 yên trở xuống	Hơn 1.100.000 yên và từ 1.150.000 yên trở xuống	Hơn 1.150.000 yên và từ 1.200.000 yên trở xuống	Hơn 1.200.000 yên và từ 1.250.000 yên trở xuống	Hơn 1.250.000 yên và từ 1.300.000 yên trở xuống	Hơn 1.300.000 yên và từ 1.330.000 yên trở xuống
B	320.000 yên	260.000 yên	260.000 yên	360.000 yên	310.000 yên	260.000 yên	210.000 yên	160.000 yên	110.000 yên	60.000 yên	30.000 yên
C	160.000 yên	130.000 yên	130.000 yên	240.000 yên	210.000 yên	180.000 yên	140.000 yên	110.000 yên	80.000 yên	40.000 yên	20.000 yên
Tóm tắt	Khấu trừ cho vợ/chồng			Khấu trừ đặc biệt cho vợ/chồng							

Số tiền khấu trừ cho vợ/chồng	yên
Số tiền khấu trừ đặc biệt cho vợ/chồng	yên

* Tham khảo bảng "Tính toán số tiền khấu trừ" ở bên trái để biết cách điền.

◆ Tờ khai khấu trừ điều chỉnh mức thu nhập ◆ Không cần điền nếu số tiền thu nhập theo tiền lương thuộc đối tượng điều chỉnh cuối năm trong năm nay của bạn là từ 8.500.000 yên trở xuống.

- Nếu bạn muốn được áp dụng khấu trừ điều chỉnh tiền thu nhập chịu thuế vào cuối năm, hãy đánh dấu những mục tương ứng trong cột "Điều kiện" và điền thông tin về người có liên quan vào các mục tương ứng trong cột " * Người khuyết tật đặc biệt" và cột " * Người thân phụ thuộc". (Nếu có nhiều người phù hợp với điều kiện, bạn có thể điền 1 trong số những người đó). Ngoài ra, nếu tương ứng với từ 2 mục trở lên trong cột "Điều kiện", bạn có thể đánh dấu và điền vào bất kỳ 1 điều kiện nào trong đó.
- Số tiền khấu trừ điều chỉnh tiền thu nhập chịu thuế khi điều chỉnh cuối năm sẽ được tính bởi người chi trả tiền lương, nên tờ khai này không có cột điền số tiền khấu trừ điều chỉnh tiền thu nhập chịu thuế

Điều kiện	<input type="checkbox"/> Bạn là người khuyết tật đặc biệt (Chỉ điền cột * bên phải)	(Cách đọc bằng tiếng Nhật)	Mã số cá nhân của người bên trái		Ngày tháng năm sinh của người bên trái			
	<input type="checkbox"/> Vợ/chồng cùng sinh sống (Chú ý) là người khuyết tật đặc biệt (Điền cột * và cột * bên phải)		Họ tên của vợ/chồng cùng sinh sống hoặc người thân phụ thuộc		/ /			
	<input type="checkbox"/> Người thân phụ thuộc là người khuyết tật đặc biệt (Điền cột * và cột * bên phải)		Địa chỉ hoặc nơi cư trú của người bên trái trong trường hợp địa chỉ hoặc nơi cư trú của bạn và người bên trái khác nhau		Quan hệ của bạn với người bên trái		Tổng tiền thu nhập chịu thuế (Số tiền ước tính) của người bên trái	
	<input type="checkbox"/> Người thân phụ thuộc dưới 23 tuổi (sinh từ ngày 2/1/2000 trở về sau) (Chỉ điền cột * bên phải)						yên	

(Chú ý) "Vợ/chồng cùng sinh sống" là vợ/chồng (không bao gồm những người được chi trả tiền lương là người lao động trong lĩnh vực kinh doanh màu xanh và người lao động trong lĩnh vực kinh doanh màu trắng) cùng sinh sống với bạn và là người có tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay là từ 480.000 yên trở xuống (trường hợp chỉ có thu nhập chịu thuế từ tiền lương thì số tiền thu nhập của tiền lương là từ 1.030.000 yên trở xuống).

○ Khi điền tờ khai, hãy đọc giải thích ở mặt sau.

